

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 11 – THỜI GIAN: 45 PHÚT(Đề chính thức)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương II: Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay.	Bài 3: Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết ra đời và sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau chiến tranh thế giới thứ hai.	Nhận biết: -Trình bày quá trình hình thành,ý nghĩa ra đời của Liên bang CHXHCN Xô Viết. -Trình bày được sự phát triển CNXH ở các nước Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai. -Nêu được sự mở rộng CNXH ở Châu Á,khu vực Mĩ La-Tinh. -Nêu được nguyên nhân dẫn tới sụp đổ mô hình CNXH ở Liên Xô và Đông Âu.	3			
			Thông hiểu: - Hiểu được sự hình thành LBCHXHCN Xô Viết. - Phân tích được ý nghĩa ra đời LBCHXHCN Xô Viết.		1		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	Chương II: Chủ nghĩa xã hội từ		- Hiểu được cách mạng tháng 10 Nga đã làm thay đổi nước Nga, cục diện thế giới như thế nào.				
			Vận dụng: - Sự ảnh hưởng cách mạng tháng 10 đến phong trào giải phóng dân tộc các nước châu Á, Phi, Mỹ La Tinh.			1	
			Vận dụng cao:				
		Bài 4: Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.	Nhận biết: - Trình bày tình hình Liên Xô và Đông Âu cuối 70 đến đầu những 80 của thế kỉ XX. - Nêu được các nước XHCN ngày nay. - Biết được nguyên nhân chủ quan sự sụp đổ của CNXH ở LX và Đông Âu.	3			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	năm 1917 đến nay.		- Nêu được thành tựu công cuộc cải cách,mở cửa của TQ.				
			Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa của những thành tựu TQ đạt được trong công cuộc cải cách,mở cửa.		1		
			Vận dụng: -Điểm chung công cuộc cải cách mở cửa TQ với đổi mới ở Việt Nam. -Liên hệ công cuộc đổi mới ở VN (12.1986) công cuộc cải cách.			1	
			Vận dụng cao:				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
3	Chương III: Quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á.	Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.	Nhận biết: - Trình bày được quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương tây xâm lược, thiết lập nền thống trị ở ĐNÁ. - Nêu được thủ đoạn của thực dân phương tây khi hoàn thành xâm lược ĐNÁ hải đảo. - Trình bày công cuộc cải cách ở Xiêm.	3			
			Thông hiểu: - Hiểu được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở ĐNÁ không trở thành thuộc địa của thực dân phương tây.		1		
			Vận dụng:				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Vận dụng cao: -Dựa vào kiến thức đã học giải thích vì sao Xiêm thực hiện thành công công cuộc cải cách còn các nước khác ở Đông Nam Á thì không?				
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức				40	30	20	10
Tỉ lệ chung				70		30	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ LỚP 11– THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT		Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Tổng	
----	--	------------------	------------------	------	--

	Nội dung kiến thức		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			% tổng
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH		Thời gian (phút)	
											TN	TL		
1	Chương II:Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay.	Bài 3:Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết ra đời và sự phát triển của CNXH từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.	4	7	1	3	1	3			6	1	13	35
2	Chương II:Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay.	Bài 4:Chủ nghĩa xã hội 1991 đến nay.	3	5	1	2	1	3			5	1	4	30

3	Chương III: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân.	Bài 5:Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.	3	5	1	3			1	5	5	1	13	35
Tổng			10	17	3	8	2	6	1	5	16	3	45	100
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					100
Tỉ lệ chung(%)			70				30							100

